

Số: 106 /2021/VSC

Hải Phòng, ngày 20 tháng 08 năm 2021

Kính gửi: - **ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**
- **SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ vào các quy định công bố thông tin của tổ chức niêm yết trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Container Việt Nam (mã chứng khoán: VSC) xin giải trình về việc Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2021 so với báo cáo cùng kỳ năm trước có biến động từ 10% trở lên trên **Báo cáo tài chính riêng** như sau:

Đơn vị tính:


đồng

Stt	Chỉ tiêu	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020	Chênh lệch tăng	Tỷ lệ tăng (%)
1	Lợi nhuận sau thuế TNDN	185.139.848.473	19.308.995.665	165.830.852.808	858,83%

Nguyên nhân chủ yếu:



- Doanh thu từ cung cấp dịch vụ của Công ty tăng 29,64% so với cùng kỳ năm trước.
- Công ty có ghi nhận khoản cổ tức năm 2020 từ Công ty CP Cảng Xanh VIP, Công ty CP Đầu tư Dịch vụ và Phát Triển Xanh và Công ty CP Container Miền Trung, Công ty TNHH MTV Vận tải biển Ngôi sao Xanh, Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistics Xanh, Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cảng Xanh (Là Công ty con của VSC).

Trên đây là các nguyên nhân chính làm lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2021 trên Báo cáo tài chính riêng tăng 165.830.852.808 đồng, tương ứng với tăng 858,83% so với cùng kỳ năm trước.

Trân trọng. 

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VT, TCKT

TỔNG GIÁM ĐỐC


Nguyễn Văn Tiến

CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021**



CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ	3
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ (Mẫu số B 01a – DN)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ (Mẫu số B 02a – DN)	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ (Mẫu số B 03a – DN)	8
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (Mẫu số B 09a – DN)	9

CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp Số 0200453688 đề ngày 1 tháng 4 năm 2002

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0200453688 và các thay đổi Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi gần nhất (lần thứ hai mươi) được cấp ngày 11 tháng 7 năm 2019.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Việt Hòa	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Tiến	Thành viên
Ông Nguyễn Việt Trung	Thành viên
Ông Nguyễn Hoàng Anh	Thành viên
Ông Trần Tiến Dũng	Thành viên
Ông Dương Tiến Dũng	Thành viên
	(bổ nhiệm ngày 26/3/2021)
Ông Văn Trần Hoàn	Thành viên
	(bổ nhiệm ngày 26/3/2021)
Ông Tạ Công Thông	Thành viên
	(bổ nhiệm ngày 26/3/2021)
Ông Nguyễn Thế Duy	Thành viên
	(từ nhiệm ngày 2/7/2021)
Ông Nguyễn Thế Trọng	Thành viên
	(từ nhiệm ngày 26/3/2021)
Ông Nghiêm Tuấn Anh	Thành viên
	(từ nhiệm ngày 26/3/2021)
Bà Đặng Trần Gia Thoại	Thành viên
	(từ nhiệm ngày 26/3/2021)

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Tiến	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thế Trọng	Giám đốc kỹ thuật
Ông Dương Tiến Dũng	Giám đốc tài chính

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Kim Nhã	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Minh Lan	Thành viên
Bà Nghiêm Thị Thùy Dương	Thành viên

Người đại diện theo pháp luật

Ông Nguyễn Văn Tiến	Tổng Giám đốc
---------------------	---------------

Trụ sở chính

Số 11 Võ Thị Sáu, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Chi nhánh Công ty TNHH PwC (Việt Nam) tại Hà Nội

CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC CỦA CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc của Công ty Cổ phần Container Việt Nam (“Công ty”) chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục trừ khi giả định Công ty hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ban Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 đính kèm từ trang 5 đến trang 39. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty nên đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 để có đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.

Thay mặt Ban Giám đốc



Nguyễn Văn Tiến
Tổng Giám đốc/
Người đại diện theo pháp luật

Hà Nội, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 20 tháng 8 năm 2021



BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Container Việt Nam (“Công ty”) được lập ngày 30 tháng 6 năm 2021 và được Ban Giám đốc của Công ty phê chuẩn ngày 20 tháng 8 năm 2021. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này bao gồm: bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 39.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Chi nhánh Công ty TNHH PwC (Việt Nam) tại Hà Nội
Tầng 16, Keangnam Hanoi Landmark Tower, Lô E6, Khu đô thị Cầu Giấy, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm,
Hà Nội, Việt Nam
ĐT: +84 24 3946 2246, www.pwc.com/vn



Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 do một đơn vị kiểm toán khác soát xét và báo cáo của họ được phát hành ngày 24 tháng 8 năm 2020 đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần. Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng do đơn vị kiểm toán này kiểm toán và báo cáo của họ được phát hành ngày 8 tháng 3 năm 2021 đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần.

Thay mặt và đại diện cho Chi nhánh Công ty TNHH PwC (Việt Nam) tại Hà Nội



Trần Hồng Kiên
Số giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0298-2018-006-1
Chữ ký được ủy quyền

Số hiệu báo cáo soát xét: HAN 2866
Hà Nội, ngày 20 tháng 8 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày	
			30/6/2021 VND	31/12/2020 VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		480.322.019.949	312.617.935.178
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	376.493.677.798	214.950.878.788
111	Tiền		25.419.206.443	36.872.340.406
112	Các khoản tương đương tiền		351.074.471.355	178.078.538.382
120	Đầu tư tài chính ngắn hạn		1.000.000.000	1.000.000.000
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	8(a)	1.000.000.000	1.000.000.000
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		88.277.937.104	85.459.811.142
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	38.617.216.337	24.132.891.501
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn		186.856.431	97.711.590
135	Phải thu về cho vay ngắn hạn	5(a)	5.710.260.509	12.686.407.947
136	Phải thu ngắn hạn khác	6	44.081.932.348	48.861.128.625
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6	(318.328.521)	(318.328.521)
140	Hàng tồn kho		3.809.857.113	466.822.694
141	Hàng tồn kho		3.809.857.113	466.822.694
150	Tài sản ngắn hạn khác		10.740.547.934	10.740.422.554
152	Thuế Giá trị gia tăng (“GTGT”) được khấu trừ	11(a)	10.740.547.934	10.740.422.554
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		1.020.208.612.966	1.033.632.247.755
210	Các khoản phải thu dài hạn		5.818.713.448	17.784.015.594
215	Phải thu về cho vay dài hạn	5(b)	5.818.713.448	17.784.015.594
220	Tài sản cố định		21.562.336.695	22.981.972.864
221	Tài sản cố định hữu hình	7(a)	16.041.999.155	17.423.363.082
222	Nguyên giá		63.355.117.178	67.750.195.941
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(47.313.118.023)	(50.326.832.859)
227	Tài sản cố định vô hình	7(b)	5.520.337.540	5.558.609.782
228	Nguyên giá		6.099.124.701	6.099.124.701
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(578.787.161)	(540.514.919)
250	Đầu tư tài chính dài hạn		992.653.707.286	992.653.707.286
251	Đầu tư vào công ty con	8(b)	895.075.000.000	895.075.000.000
252	Đầu tư vào công ty liên kết	8(c)	97.423.707.286	97.423.707.286
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	8(d)	155.000.000	155.000.000
260	Tài sản dài hạn khác		173.855.537	212.552.011
261	Chi phí trả trước dài hạn		173.855.537	212.552.011
270	TỔNG TÀI SẢN		1.500.530.632.915	1.346.250.182.933

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 39 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày	
			30/6/2021 VND	31/12/2020 VND
300	NỢ PHẢI TRẢ		81.468.701.889	76.846.701.380
310	Nợ ngắn hạn		80.226.243.389	76.816.701.380
311	Phải trả người bán ngắn hạn	9	10.071.341.924	15.148.422.953
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	10	4.508.276.362	1.283.536.085
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11(b)	7.663.263.383	1.847.219.189
314	Phải trả người lao động		836.184.495	5.768.734.921
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	12	2.217.300.000	-
319	Phải trả ngắn hạn khác	13	50.204.035.100	36.450.110.455
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	14	4.725.842.125	16.318.677.777
330	Nợ dài hạn		1.242.458.500	30.000.000
337	Phải trả dài hạn khác		30.000.000	30.000.000
342	Dự phòng phải trả dài hạn		1.212.458.500	-
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.419.061.931.026	1.269.403.481.553
410	Vốn chủ sở hữu		1.419.061.931.026	1.269.403.481.553
411	Vốn góp của chủ sở hữu	15,16	551.227.980.000	551.227.980.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		551.227.980.000	551.227.980.000
412	Thặng dư vốn cổ phần	16	36.141.891.246	36.141.891.246
418	Quỹ đầu tư phát triển	16	646.734.369.757	646.734.369.757
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	16	184.957.690.023	35.299.240.550
421a	- (Lỗ sau thuế)/LNST chưa phân phối của các năm trước		(182.158.450)	32.604.871.162
421b	- LNST chưa phân phối của năm nay		185.139.848.473	2.694.369.388
440	TỔNG NGUỒN VỐN		1.500.530.632.915	1.346.250.182.933

Phạm Thị Thúy Ngọc
Người lập

Lê Thế Trung
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Tiến
Tổng Giám đốc/
Người đại diện theo pháp luật
Ngày 20 tháng 8 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/20201 đến 30/6/2021 VND	Từ 1/1/2020 đến 30/6/2020 VND
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	74.428.993.049	57.412.252.019
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	74.428.993.049	57.412.252.019
11	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	(64.198.226.447)	(52.218.215.737)
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10.230.766.602	5.194.036.282
21	Doanh thu hoạt động tài chính	183.410.527.073	21.264.474.490
22	Chi phí tài chính	(86.380.940)	-
25	Chi phí bán hàng	-	(40.000.000)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(8.605.871.913)	(5.766.089.154)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	184.949.040.822	20.652.421.618
31	Thu nhập khác	1.663.304.339	-
40	Thu nhập khác	1.663.304.339	-
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	186.612.345.161	20.652.421.618
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	(1.472.496.688)	(1.343.425.953)
52	Thuế TNDN hoãn lại	-	-
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	185.139.848.473	19.308.995.665



Phạm Thị Thúy Ngọc
Người lập



Lê Thế Trung
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Tiến
Tổng Giám đốc/
Người đại diện theo pháp luật
Ngày 20 tháng 8 năm 2021


Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 39 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2021 đến 30/6/2021 VND	Từ 1/1/2020 đến 30/6/2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế	186.612.345.161	20.652.421.618
Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ")	1.483.263.442	2.764.172.706
03	Các khoản dự phòng	1.212.458.500	-
04	Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	74.292.084	(42.996.183)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(183.965.794.927)	(21.002.690.637)
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	5.416.564.260	2.370.907.504
09	Giảm các khoản phải thu	106.691.807.473	63.249.456.337
10	(Tăng)/giảm hàng tồn kho	(3.343.034.419)	6.457.081.750
11	Giảm các khoản phải trả	(24.528.678.161)	(26.358.814.181)
12	Giảm chi phí trả trước	38.696.474	13.343.588.175
15	Thuế TNDN đã nộp	(1.094.591.660)	(4.851.900.998)
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh (*)	(19.512.835.652)	(7.480.872.763)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	63.667.928.315	46.729.445.824
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm TSCĐ	(63.627.273)	(312.850.000)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	559.090.904	-
24	Tiền thu hồi cho vay	18.941.449.584	25.320.345.280
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	(65.175.634.095)
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	106.077.000.000	8.759.240.472
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	125.513.913.215	(31.408.898.343)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
36	Tiền cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(27.561.399.000)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(27.561.399.000)	-
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	161.620.442.530	15.320.547.481
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	3 214.950.878.788	183.968.394.573
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	(77.643.520)	41.321.658
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3 376.493.677.798	199.330.263.712

(*) Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh bao gồm khoản tiền trả từ Quy khen thưởng và phúc lợi và tiền thưởng Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát


Phạm Thị Thúy Ngọc
Người lập


Lê Thế Trung
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Tiến
Tổng Giám đốc/
Người đại diện theo pháp luật
Ngày 20 tháng 8 năm 2021

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 39 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021**

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Container Việt Nam (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0200453688 đề ngày 1 tháng 4 năm 2002 và các thay đổi Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Kinh doanh kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Bảo dưỡng sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Cận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Cho thuê xe có động cơ; và
- Cho thuê máy móc thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty có 72 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 70 nhân viên).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty có 6 công ty con và 3 công ty liên kết (Thuyết minh 8(b) và Thuyết minh 8(c)) như sau:

	Nơi thành lập, đăng ký hoạt động	30.6.2021		31.12.2020	
		Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết năm giữ	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết năm giữ
Công ty con					
1) Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP	Hải Phòng	74%	74%	74%	74%
2) Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh	Hải Phòng	66%	66%	66%	66%
3) Công ty Cổ phần Container Miền Trung	Đà Nẵng	65%	65%	65%	65%
4) Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi Sao Xanh	Hải Phòng	100%	100%	100%	100%
5) Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh	Hải Phòng	100%	100%	100%	100%
6) Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Cảng Xanh	Hải Phòng	100%	100%	100%	100%

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021**
1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (TIẾP THEO)

Nơi thành lập, đăng ký hoạt động	30.6.2021		31.12.2020		
	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết năm giữ	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết năm giữ	
Công ty liên kết					
1) Công ty Cổ phần Logistics Cảng Đà Nẵng	Đà Nẵng	31%	31%	31%	31%
2) Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	Hải Phòng	22%	22%	22%	22%
3) Công ty TNHH Tuyến Container T.S Hà Nội	Hải Phòng	30%	30%	30%	30%

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU
2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

Ngoài ra, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ là Đồng Việt Nam ("VND" hoặc "đồng"). Công ty xác định đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán dựa vào đơn vị tiền tệ chủ yếu sử dụng trong các giao dịch cung cấp dịch vụ, có ảnh hưởng lớn đến giá cung cấp dịch vụ; đơn vị tiền tệ dùng để niêm yết giá bán và nhận thanh toán; đơn vị tiền tệ sử dụng chủ yếu trong việc mua hàng hóa, dịch vụ; có ảnh hưởng lớn đến chi phí nhân công và các chi phí kinh doanh khác, và thông thường dùng để thanh toán cho các chi phí đó.

Ngoài ra, Công ty còn sử dụng đơn vị tiền tệ này để huy động các nguồn lực tài chính và thường xuyên thu được đơn vị tiền tệ này từ các hoạt động kinh doanh và tích trữ lại.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.4 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

2.5 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

2.6 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ; và các khoản phải thu khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên). Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tới ngày đến hạn thu hồi.

2.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên mức độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.8 Đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng với mục đích thu lãi hàng kỳ. Các khoản đầu tư này ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Sau đó, Công ty thực hiện việc rà soát đối với các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm kế toán.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong kỳ. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ đến ngày đáo hạn.

(b) Đầu tư vào công ty con

Công ty con là doanh nghiệp mà Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Công ty có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không.

Đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá trị góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Sau đó, Ban Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán.

(c) Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó.

Đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Sau đó, Ban Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán.

(d) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Ban Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.8 Đầu tư tài chính (tiếp theo)

(e) Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được lập vào cuối kỳ kế toán khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư. Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy mà Công ty nắm giữ lâu dài, dự phòng được lập khi giá gốc cao hơn giá trị thị trường. Đối với các khoản đầu tư khác, dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Công ty nhận đầu tư bị lỗ, ngoại trừ khoản lỗ mà Ban Giám đốc đã dự đoán từ khi đầu tư.

Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong kỳ. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

2.9 Cho vay

Cho vay là các khoản cho vay với mục đích thu lãi hàng kỳ theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Ban Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản còn chưa thu để ghi nhận dự phòng các khoản cho vay khó đòi vào cuối kỳ kế toán. Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên). Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong kỳ. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Cho vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản cho vay tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ đến ngày tới hạn thu hồi.

2.10 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và TSCĐ vô hình

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được tài sản cố định ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.10 Tài sản cố định (tiếp theo)

Khấu hao

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25 năm
Máy móc, thiết bị	3 – 7 năm
Phương tiện vận tải	6 – 10 năm
Thiết bị quản lý	3 – 5 năm
Phần mềm máy tính	3 – 5 năm

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất không thời hạn và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất không thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không được khấu hao.

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản cố định và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

2.11 Thuê tài sản

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.12 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

2.13 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ; và
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại và không liên quan đến giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tới ngày đến hạn thanh toán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.14 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán. Chi phí phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

2.15 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập chưa sử dụng ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

2.16 Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Lao động Việt Nam, người lao động của Công ty đã làm việc thường xuyên đủ 12 tháng trở lên được hưởng khoản trợ cấp thôi việc. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho Công ty trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc.

Trợ cấp thôi việc của người lao động được trích theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc dựa trên mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc dựa trên mức lương bình quân theo hợp đồng lao động của sáu tháng gần nhất tính đến trước ngày lập bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ này. Khoản trích trước này được sử dụng để trả một lần khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định hiện hành.

2.17 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi hoặc lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty tại thời điểm báo cáo.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.18 Phân chia lợi nhuận

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính của kỳ kế toán mà cổ tức được các cổ đông của Công ty phê duyệt.

LNST TNDN có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau:

(a) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ LNST TNDN của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

(b) Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ LNST TNDN của Công ty và được các nhà cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được trình bày là một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

2.19 Ghi nhận doanh thu

(a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm hoặc hàng hóa như người sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa, hoặc quyền kiểm soát sản phẩm hoặc hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn hình thức và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng sản phẩm hoặc hàng hóa. Trường hợp Công ty dùng sản phẩm, hàng hóa để khuyến mãi cho khách hàng kèm theo điều kiện mua hàng của Công ty thì Công ty phân bổ số tiền thu được để tính doanh thu cho cả hàng khuyến mãi và giá trị hàng khuyến mãi được tính vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.19 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

(b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

(c) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

(d) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi Công ty xác lập quyền nhận cổ tức từ các đơn vị đầu tư.

2.20 Giá vốn dịch vụ cung cấp

Giá vốn dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong kỳ, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

2.21 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ do chênh lệch tỷ giá hối đoái và chi phí lãi vay. Chi phí tài chính được ghi nhận khi phát sinh trong kỳ.

2.22 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Công ty.

2.23 Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế TNDN, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN của năm hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.23 Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại (tiếp theo)

Thuế TNDN hoãn lại được tính đầy đủ dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế TNDN của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế TNDN trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2.24 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Ban Giám đốc Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.25 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh hoặc theo khu vực địa lý.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

2.26 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về nợ phải trả, tài sản và việc trình bày các khoản nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.26 Ước tính kế toán (tiếp theo)

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bao gồm:

- Thời gian hữu dụng ước tính của TSCĐ (Thuyết minh 2.10 và Thuyết minh 7);
- Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (Thuyết minh 2.6 và Thuyết minh 6); và
- Dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư tài chính (Thuyết minh 2.8 và Thuyết minh 8).

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty và được Ban Giám đốc đánh giá là hợp lý.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/6/2021 VND	31/12/2020 VND
Tiền mặt	341.621.186	488.428.845
Tiền gửi ngân hàng	25.077.585.257	36.383.911.561
Các khoản tương đương tiền (*)	351.074.471.355	178.078.538.382
	<u>376.493.677.798</u>	<u>214.950.878.788</u>

(*) Các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng thương mại có kỳ hạn ban đầu dưới hoặc bằng 3 tháng với lãi suất từ 2,3%/năm đến 6,3%/năm (2020: lãi suất từ 2,9%/năm đến 4,8%/năm).

4 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/6/2021 VND	31/12/2020 VND
Bên thứ ba	19.912.508.915	10.099.015.387
Trong đó:		
- Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ tiếp vận Long Mã	4.418.698.268	76.668.601
- Công ty TNHH Dịch vụ và Xuất nhập khẩu vận chuyển Đa Phương Thức Việt Nam	3.308.936.609	2.347.779.201
- Công ty Cổ phần Tiếp vận Siêu Tốc	2.639.556.678	1.186.622.964
- Công ty Cổ phần CMA - CGM Việt Nam	-	1.118.423.801
- Khác	9.545.317.360	5.369.520.820
Bên liên quan (Thuyết minh 25(b))	18.704.707.422	14.033.876.114
	<u>38.617.216.337</u>	<u>24.132.891.501</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM

Mẫu số B 09a – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021

5 PHẢI THU VỀ CHO VAY

(a) Ngắn hạn

	30/6/2021 VND	31/12/2020 VND
Bên liên quan (Thuyết minh 25(b))		
<i>Trong đó:</i>		
- Công ty Cổ phần Container Miền Trung	2.578.947.380 ✓	3.105.263.168 ✓
- Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi sao xanh	3.131.313.129 ✓	4.040.404.039 ✓
- Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh	-	5.540.740.740 ✓
	<u>5.710.260.509 ✓</u>	<u>12.686.407.947 ✓</u>

(b) Dài hạn

	30/6/2021 VND	31/12/2020 VND
Bên liên quan (Thuyết minh 25(b))		
<i>Trong đó:</i>		
- Công ty Cổ phần Container Miền Trung	5.263.157.900 ✓	6.421.052.636 ✓
- Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi sao xanh	555.555.548 ✓	1.666.666.660 ✓
- Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh	-	9.696.296.298 ✓
	<u>5.818.713.448 ✓</u>	<u>17.784.015.594 ✓</u>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, số dư khoản cho vay dài hạn bao gồm các khoản cho vay các bên liên quan có thời hạn 36 tháng kể từ ngày giải ngân. Tiền gốc vay được trả một lần vào ngày đáo hạn. Lãi suất khoản vay là từ 4,6%/năm đến 5,5%/năm (2020: lãi suất từ 5,1%/năm đến 8,3%/năm) và được trả định kỳ hàng năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021

6 PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/6/2021 VND	31/12/2020 VND
Bên thứ ba	2.453.417.432	1.820.417.093
Bên liên quan (Thuyết minh 25(b)) (*)	41.628.514.916	47.040.711.532
Trong đó:		
- Công ty Cổ phần Đầu tư dịch vụ và Phát triển Xanh	-	1.823.456.190
- Công ty Cổ phần Container Miền Trung	13.166.692	9.889.603
- Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh	30.841.922.358	29.020.191.760
- Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi sao Xanh	10.773.425.866	13.367.423.979
- Công ty TNHH Một thành viên Viconship Hồ Chí Minh	-	2.819.750.000
	<u>44.081.932.348</u>	<u>48.861.128.625</u>
Dự phòng phải thu khó đòi	<u>(318.328.521)</u>	<u>(318.328.521)</u>

(*) Số dư khoản phải thu ngắn hạn khác với các bên liên quan thể hiện khoản lợi nhuận được chia từ các công ty con, công ty liên kết của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM

Mẫu số B 09a – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021

7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

(a) Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	21.784.803.233	434.647.000	44.104.652.209	1.426.093.499	67.750.195.941 ✓
Mua mới	-	-	-	63.627.273	63.627.273 ✓
Thanh lý	-	-	(4.458.706.036)	-	(4.458.706.036) ✓
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021	21.784.803.233	434.647.000	39.645.946.173	1.489.720.772	63.355.117.178 ✓
Giá trị khấu hao lũy kế					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	(13.609.047.504)	(434.647.000)	(35.347.674.341)	(935.464.014)	(50.326.832.859) ✓
Khấu hao trong kỳ	(514.341.046)	-	(824.456.528)	(106.193.626)	(1.444.991.200) ✓
Thanh lý	-	-	4.458.706.036	-	4.458.706.036 ✓
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021	(14.123.388.550)	(434.647.000)	(31.713.424.833)	(1.041.657.640)	(47.313.118.023) ✓
Giá trị còn lại					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	8.175.755.729	-	8.756.977.868	490.629.485	17.423.363.082 ✓
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021	7.661.414.683	-	7.932.521.340	448.063.132	16.041.999.155 ✓

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình của Công ty đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 là 36.347.128.394 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 29.182.000.000 VND).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021**

7 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH (TIẾP THEO)

(b) Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	5.417.853.001	681.271.700	6.099.124.701 ✓
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021	<u>5.417.853.001</u>	<u>681.271.700</u>	<u>6.099.124.701</u> ✓
Khấu hao lũy kế			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	-	(540.514.919)	(540.514.919) ✓
Khấu hao trong kỳ	-	(38.272.242)	(38.272.242) ✓
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021	<u>-</u>	<u>(578.787.161)</u>	<u>(578.787.161)</u> ✓
Giá trị còn lại			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	5.417.853.001	140.756.781	5.558.609.782 ✓
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021	<u><u>5.417.853.001</u></u>	<u><u>102.484.539</u></u>	<u><u>5.520.337.540</u></u> ✓

Nguyên giá tài sản cố định vô hình của Công ty đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 là 298.549.300 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 298.549.300 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021

8 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Tại ngày 30/6/2021			Tại ngày 31/12/2020		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn						
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng thương mại	1.000.000.000 ✓	1.000.000.000	-	1.000.000.000 ✓	1.000.000.000	-
(b) Đầu tư vào công ty con						
Công ty Cổ phần Cảng xanh VIP	518.850.000.000 ✓	1.833.975.000.000	-	518.850.000.000 ✓	1.410.750.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh	80.400.000.000 ✓	152.760.000.000	-	80.400.000.000 ✓	164.820.000.000	-
Công ty Cổ phần Container Miền Trung	19.825.000.000 ✓	36.676.250.000	-	19.825.000.000 ✓	28.548.000.000	-
Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi sao Xanh	70.000.000.000 ✓	(*)	-	70.000.000.000 ✓	(*)	-
Công ty TNHH Một thành viên Viconship Hồ Chí Minh	6.000.000.000 ✓	(*)	-	6.000.000.000 ✓	(*)	-
Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh	90.000.000.000 ✓	(*)	-	90.000.000.000 ✓	(*)	-
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Cảng Xanh	110.000.000.000 ✓	(*)	-	110.000.000.000 ✓	(*)	-
	895.075.000.000	(*)	-	895.075.000.000	(*)	-
(c) Đầu tư vào công ty liên kết						
Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	80.991.207.286 ✓	71.443.620.000	-	80.991.207.286 ✓	65.269.480.000	-
Công ty Cổ phần Logistics Cảng Đà Nẵng	14.430.000.000 ✓	26.773.200.000	-	14.430.000.000 ✓	23.310.000.000	-
Công ty TNHH Tuyến Container T.S. Hà Nội	2.002.500.000 ✓	(*)	-	2.002.500.000 ✓	(*)	-
	97.423.707.286 ✓	(*)	-	97.423.707.286 ✓	(*)	-
(d) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
Công ty TNHH MSC Việt Nam	155.000.000 ✓	(*)	-	155.000.000 ✓	(*)	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021

8 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

9 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/6/2021 VND	31/12/2020 VND
Bên thứ ba	4.802.919.940	10.351.468.937
Trong đó:		
- Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	1.567.378.784	1.498.756.686
- Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ VOSCO	975.273.541	913.285.824
- Công ty TNHH Nhật Hiền	595.705.000	163.204.571
- Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Xăng dầu Anh Thuý	-	3.180.937.513
- Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PVOIL Hải Phòng	-	2.312.140.100
- Khác	1.664.562.615	2.283.144.243
Bên liên quan (Thuyết minh 25(b))	5.268.421.984	4.796.954.016
	<u>10.071.341.924</u>	<u>15.148.422.953</u>

10 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/6/2021 VND	31/12/2020 VND
Bên thứ ba	4.508.276.362	1.283.536.085
Trong đó:		
- Công ty TNHH MTV giao nhận VH	512.995.097	-
- Khác	3.995.281.265	1.283.536.085
	<u>3.995.281.265</u>	<u>1.283.536.085</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM

Mẫu số B 09a – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021

11 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Biến động về thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà Nước trong kỳ như sau:

	Tại ngày 1/1/2021 VND	Số phát sinh trong kỳ VND	Số đã thực nhận/thực trả trong kỳ VND	Tại ngày 30/6/2021 VND
(a) Phải thu				
Thuế GTGT được khấu trừ	10.740.422.554	5.734.368.164	(5.734.242.784)	10.740.547.934
(b) Phải nộp				
Thuế GTGT	333.900.531	7.488.353.342	(7.674.593.165)	147.660.708
Thuế TNDN	311.908.366	1.472.496.688	(1.094.591.660)	689.813.394
Thuế thu nhập cá nhân	378.230.905	1.905.044.202	(2.214.510.866)	68.764.241
Thuế nhà thầu nước ngoài	823.179.387	5.006.093.751	(4.974.658.098)	854.615.040
Thuế khác	-	6.071.073.850	(168.663.850)	5.902.410.000
	<u>1.847.219.189</u>	<u>21.943.061.833</u>	<u>(16.127.017.639)</u>	<u>7.663.263.383</u>

12 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/6/2021 VND	31/12/2020 VND
Chi phí thưởng cho nhân viên	2.000.000.000	-
Khác	217.300.000	-
	<u>2.217.300.000</u>	<u>-</u>

13 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/6/2021 VND	31/12/2020 VND
Bên thứ ba	46.884.389.987	31.391.707.824
<i>Trong đó:</i>		
- Các khoản thu hộ Hãng tàu Dong Young Shipping Co., Ltd	39.765.838.184	23.829.178.711
- Khách hàng đặt cước thuê vỏ container	3.838.764.203	3.056.089.003
- Cổ tức phải trả	1.131.444.775	1.100.862.850
- Khác	2.148.342.825	3.405.577.260
Bên liên quan (Thuyết minh 25(b))	3.319.645.113	5.058.402.631
	<u>50.204.035.100</u>	<u>36.450.110.455</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021

14 QUỸ KHEN THƯỞNG PHÚC LỢI

Biến động về Quỹ khen thưởng phúc lợi của Công ty trong kỳ như sau:

	30/6/2021 VND	31/12/2020 VND
Số dư đầu kỳ/năm	16.318.677.777	23.796.651.836
Trích lập trong kỳ/năm	5.620.000.000	9.957.000.000
Sử dụng trong kỳ/năm	(17.212.835.652)	(17.434.974.059)
Số dư cuối kỳ/năm	<u>4.725.842.125</u>	<u>16.318.677.777</u>

15 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

(a) Số lượng cổ phiếu

	30/6/2021 Cổ phiếu phổ thông	31/12/2020 Cổ phiếu phổ thông
Số lượng cổ phiếu đăng ký	<u>55.122.798</u>	<u>55.122.798</u>
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	<u>55.122.798</u>	<u>55.122.798</u>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	<u>55.122.798</u>	<u>55.122.798</u>

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 Đồng Việt Nam trên một cổ phiếu.

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	30/6/2021		31/12/2020	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI	5.290.000	9,60	5.290.000	9,60
Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Á D.C	4.160.000	7,55	4.750.000	8,62
Công ty Cổ phần Tập đoàn T&D Group	2.855.000	5,18	-	0,00
Công ty Cổ phần Thành Đức Hải Phòng	2.855.000	5,18	-	0,00
Bà Đoàn Thị Tơ	3.898.333	7,07	3.898.333	7,07
Bà Tạ Kim Chi	3.804.434	6,90	3.804.434	6,90
Ông Đoàn Quang Huy	3.113.380	5,65	3.113.380	5,65
KWE Beteiligungen AG	-	0,00	5.014.827	9,10
Cổ đông khác	29.146.651	52,87	29.251.824	53,06
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	<u>55.122.798</u>	<u>100</u>	<u>55.122.798</u>	<u>100</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM

Mẫu số B 09a – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021

16 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	LNST chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	551.227.980.000	36.141.891.246	646.734.369.757	111.009.228.762	1.345.113.469.765
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	85.378.566.388	85.378.566.388
Trích lập Quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	(9.957.000.000)	(9.957.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	(148.831.554.600)	(148.831.554.600)
Thưởng Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	(2.300.000.000)	(2.300.000.000)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	551.227.980.000	36.141.891.246	646.734.369.757	35.299.240.550	1.269.403.481.553
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	185.139.848.473	185.139.848.473
Trích lập Quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	(5.620.000.000)	(5.620.000.000)
Chia cổ tức (*)	-	-	-	(27.561.399.000)	(27.561.399.000)
Thưởng Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	(2.300.000.000)	(2.300.000.000)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021	551.227.980.000	36.141.891.246	646.734.369.757	184.957.690.023	1.419.061.931.026

(*) Theo Nghị Quyết số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ đề ngày 26 tháng 3 năm 2021, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã phê duyệt việc chia cổ tức cho năm 2020 tương ứng 20% mệnh giá cổ phần. Trong đó, khoản cổ tức tương ứng 15% mệnh giá cổ phần với giá trị 82.684.197.000 Đồng Việt Nam đã được chi trả trong năm 2020 và khoản cổ tức tương ứng 5% mệnh giá cổ phần với giá trị 27.561.399.000 Đồng Việt Nam đã được chi trả trong năm 2021.

CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM

Mẫu số B 09a – DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021**

17 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm số ngoại tệ 611.063 Đô la Mỹ, tương đương 14.055.656.306 Đồng Việt Nam (tại ngày 31.12.2020: 652.630 Đô la Mỹ, tương đương 15.077.189.848 Đồng Việt Nam).

18 DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 1/1/2021 đến 30/6/2021 VND	Từ 1/1/2020 đến 30/6/2020 VND
Doanh thu thuần từ bán hàng	42.349.788.902	32.382.881.152
Doanh thu thuần từ dịch vụ đại lý hãng tàu	5.878.315.944	3.897.989.648
Doanh thu thuần từ dịch vụ chuyển tiếp	14.896.211.681	12.742.931.297
Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ khác	11.304.676.522	8.388.449.922
	<u>74.428.993.049</u>	<u>57.412.252.019</u>

19 GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Từ 1/1/2021 đến 30/6/2021 VND	Từ 1/1/2020 đến 30/6/2020 VND
Chi phí nguyên vật liệu	40.910.255.824	31.364.787.827
Chi phí nhân viên	5.887.928.605	4.566.551.186
Chi phí khấu hao và phân bổ	1.483.263.442	2.918.403.401
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.905.599.454	13.331.947.161
Chi phí khác	11.179.122	36.526.162
	<u>64.198.226.447</u>	<u>52.218.215.737</u>

20 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 1/1/2021 đến 30/6/2021 VND	Từ 1/1/2020 đến 30/6/2020 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng và cho vay	3.600.843.041	6.581.396.359
Cổ tức nhận được từ các khoản đầu tư tài chính (Thuyết minh 25(a))	179.805.860.982	14.421.294.278
Khác	3.823.050	261.783.853
	<u>183.410.527.073</u>	<u>21.264.474.490</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM

Mẫu số B 09a – DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021**

21 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 1/1/2021 đến 30/6/2021 VND	Từ 1/1/2020 đến 30/6/2020 VND
Chi phí nhân viên	6.055.576.350	4.260.884.574
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.171.265.697	826.669.376
Khác	379.029.866	678.535.204
	<u>8.605.871.913</u>	<u>5.766.089.154</u>

22 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế TNDN cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Công ty được ước tính như sau:

	Từ 1/1/2021 đến 30/6/2021 VND	Từ 1/1/2020 đến 30/6/2020 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	186.612.345.161	20.652.421.618
Thuế tính ở thuế suất 20%	37.322.469.032	4.130.484.324
Điều chỉnh:		
Chi phí không được khấu trừ	93.926.416	93.926.415
Thu nhập không chịu thuế	(35.961.172.196)	(2.884.258.856)
Lỗ tính thuế mà không ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại	17.273.436	3.274.070
Chi phí thuế TNDN (*)	<u>1.472.496.688</u>	<u>1.343.425.953</u>

(*) Chi phí thuế TNDN cho kỳ kế toán được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

23 CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 1/1/2021 đến 30/6/2021 VND	Từ 1/1/2020 đến 30/6/2020 VND
Chi phí nguyên vật liệu	40.910.255.824	31.364.787.827
Chi phí nhân viên	11.943.504.955	8.774.375.568
Chi phí khấu hao và phân bổ	1.483.263.442	2.764.172.706
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.076.865.151	14.085.484.813
Chi phí khác	390.208.988	995.483.977
	<u>72.804.098.360</u>	<u>57.984.304.891</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021

24 CÁC GIAO DỊCH KHÔNG BẰNG TIỀN ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

	Từ 1/1/2021 đến 30/6/2021 VND	Từ 1/1/2020 đến 30/6/2020 VND
Bù trừ cổ tức được nhận và các khoản thưởng hoàn thành kế hoạch cho nhân sự các công ty con	10.932.500.000	7.984.061.889
Góp vốn vào công ty con bằng tài sản cố định	-	45.824.365.905
	<u>10.932.500.000</u>	<u>45.824.365.905</u>

25 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có giao dịch chủ yếu với các bên liên quan sau:

Bên liên quan	Quan hệ
- Công ty Cổ phần Cảng xanh VIP	Công ty con
- Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh	Công ty con
- Công ty Cổ phần Container Miền Trung	Công ty con
- Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Cảng Xanh	Công ty con
- Công ty TNHH Một thành viên Viconship Hồ Chí Minh	Công ty con
- Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh	Công ty con
- Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi sao Xanh	Công ty con
- Công ty Cổ phần Logistics Đà Nẵng	Công ty liên kết
- Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	Công ty liên kết
- Công ty TNHH Tuyến Container T.S. Hà Nội	Công ty liên kết

(a) Giao dịch với các bên liên quan

	Từ 1/1/2021 đến 30/6/2021 VND	Từ 1/1/2020 đến 30/6/2020 VND
(i) Doanh thu bán hàng		
Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP	6.465.069.891	5.512.435.004
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh	6.265.978.225	6.173.942.348
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Cảng Xanh	4.490.854.422	2.198.260.478
Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh	6.601.606.578	4.272.781.648
Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi sao Xanh	18.526.279.786	14.225.461.674
	<u>42.349.788.902</u>	<u>32.382.881.152</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM

Mẫu số B 09a – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021

25 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

	Từ 1/1/2021 đến 30/6/2021 VND	Từ 1/1/2020 đến 30/6/2020 VND
(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ		
Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP	4.692.000.000	4.362.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh	558.000.000	-
Công ty Cổ phần Container Miền Trung	75.215.000	30.950.000
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Cảng Xanh	708.000.000	168.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh	558.000.000	228.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi sao Xanh	2.062.335.957	1.313.623.826
Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi Sao Xanh – Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh	3.260.000	-
	<u>8.656.810.957</u>	<u>6.102.573.826</u>
(iii) Bán tài sản cố định		
Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh	463.636.359	-
	<u>463.636.359</u>	<u>-</u>
(iv) Mua hàng hóa và dịch vụ		
Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP	43.385.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh	567.155.547	394.050.183
Công ty Cổ phần Container Miền Trung	14.198.700	154.859.816
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Cảng Xanh	5.950.055.139	1.118.262.419
Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh	52.624.695	175.146.400
Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi sao Xanh	3.495.096.330	3.299.811.605
Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi Sao Xanh – Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh	260.824.935	-
	<u>10.383.340.346</u>	<u>5.142.130.423</u>
(v) Lợi nhuận được chia từ các công ty con, công ty liên kết (Thuyết minh 20)		
Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP	94.050.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh	9.648.000.000	-
Công ty Cổ phần Container Miền Trung	2.379.000.000	-
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Cảng Xanh	45.590.257.518	-
Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh	14.881.230.598	-
Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi sao Xanh	13.257.372.866	12.423.294.278
Công ty Cổ phần Cảng Logistics Đà Nẵng	-	1.998.000.000
	<u>179.805.860.982</u>	<u>14.421.294.278</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM

Mẫu số B 09a – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021

25 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

	Từ 1/1/2021 đến 30/6/2021 VND	Từ 1/1/2020 đến 30/6/2020 VND	
(vi) Thường hoàn thành kế hoạch cho nhân sự các công ty con			
Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP	1.334.000.000	1.153.500.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh	1.168.500.000	1.003.500.000	
Công ty Cổ phần Container Miền Trung	785.000.000	884.000.000	
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Cảng Xanh	2.517.500.000	1.312.500.000	
Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh	2.059.500.000	957.000.000	
Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi sao Xanh	3.068.000.000	1.237.000.000	
	<u>10.932.500.000</u>	<u>6.547.500.000</u>	
(vii) Nhận tiền trả gốc vay			
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh	15.237.037.038	7.659.259.259	
Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi sao Xanh	2.020.202.022	2.020.202.022	
Công ty Cổ phần Container Miền Trung	1.684.210.524	1.368.421.050	
	<u>18.941.449.584</u>	<u>11.047.882.331</u>	
(viii) Lãi cho vay			
Công ty Cổ phần Container Miền Trung	225.898.508	479.825.729	
Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi sao Xanh	113.786.958	283.379.349	
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh	295.921.098	2.102.281.826	
Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP	-	1.504.807.619	
	<u>635.606.564</u>	<u>4.370.294.523</u>	
(ix) Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt			
Hội đồng quản trị			
Ông Nguyễn Việt Hoà	Chủ tịch	983.166.710	941.281.089
Ông Nguyễn Văn Tiến	Thành viên	1.387.744.946	1.039.893.192
Ông Nguyễn Thế Trọng	Thành viên (từ nhiệm ngày 26/3/2021)	1.032.424.605	798.531.077
Ông Nguyễn Việt Trung	Thành viên	200.000.000	185.000.000
Ông Nghiêm Tuấn Anh	Thành viên (từ nhiệm ngày 26/3/2021)	200.000.000	185.000.000
Ông Nguyễn Thế Duy	Thành viên	200.000.000	-
Ông Nguyễn Hoàng Anh	Thành viên	200.000.000	-
Ông Trần Tiến Dũng	Thành viên	200.000.000	-
Bà Đặng Trần Gia Thoại	Thành viên (từ nhiệm ngày 26/3/2021)	200.000.000	-
Ông Dương Tiến Dũng	Thành viên (bổ nhiệm ngày 26/3/2021)	101.117.000	-
		<u>4.704.453.261</u>	<u>3.149.705.358</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM

Mẫu số B 09a – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021

25 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

		Từ 1/1/2021 đến 30/6/2021 VND	Từ 1/1/2020 đến 30/6/2020 VND
(ix) Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt (tiếp theo)			
Ban kiểm soát			
Bà Nguyễn Thị Kim Nhã	Trưởng ban	333.072.664	184.749.998
Bà Nguyễn Thị Minh Lan	Thành viên	100.000.000	130.000.000
Bà Nghiêm Thị Thuỳ Dương	Thành viên	100.000.000	-
		<u>533.072.664</u>	<u>314.749.998</u>
Ban điều hành			
Ông Nguyễn Văn Tiến	Tổng Giám đốc	Như trên	Như trên
Ông Nguyễn Thế Trọng	Giám đốc kỹ thuật	Như trên	Như trên
Ông Dương Tiến Dũng	Giám đốc tài chính	Như trên	Như trên
		<u>Như trên</u>	<u>Như trên</u>
(b) Số dư với các bên liên quan			
		30/6/2021	31/12/2020
		VND	VND
(i) Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 4)			
Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP		4.467.540.639	2.114.268.985
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh		1.748.005.694	6.541.529.291
Công ty Cổ phần Container Miền Trung		49.314.381	20.964.857
Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh		1.460.463.918	833.853.883
Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi sao Xanh		10.979.382.790	4.523.259.098
		<u>18.704.707.422</u>	<u>14.033.876.114</u>
(ii) Phải thu về cho vay (Thuyết minh 5)			
Công ty Cổ phần Container Miền Trung		7.842.105.280	9.526.315.804
Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi sao Xanh		3.686.868.677	5.707.070.699
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh		-	15.237.037.038
		<u>11.528.973.957</u>	<u>30.470.423.541</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM

Mẫu số B 09a – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021

25 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

(b) Số dư với các bên liên quan (tiếp theo)

	30/6/2021 VND	31/12/2020 VND
(iii) Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 6)		
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh	-	1.823.456.190
Công ty Cổ phần Container Miền Trung	13.166.692	9.889.603
Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh	30.841.922.358	29.020.191.760
Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi sao Xanh	10.773.425.866	13.367.423.979
Công ty TNHH Một thành viên Viconship Hồ Chí Minh	-	2.819.750.000
	<u>41.628.514.916</u>	<u>47.040.711.532</u>
(iv) Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 9)		
Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP	-	7.084.000
Công ty Cổ phần Container Miền Trung	-	42.644.001
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Cảng Xanh	5.149.624.630	4.720.728.515
Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi sao Xanh – Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh	118.797.354	26.497.500
	<u>5.268.421.984</u>	<u>4.796.954.016</u>
(v) Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh 13)		
Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP	1.334.000.000	-
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Cảng Xanh	1.985.645.113	5.058.402.631
	<u>3.319.645.113</u>	<u>5.058.402.631</u>

26 CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty phải trả mức tối thiểu cho các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang trong tương lai, chủ yếu là tiền thuê văn phòng, như sau:

	30/6/2021 VND	31/12/2020 VND
Dưới 1 năm	5.902.410.000	5.902.410.000
Từ 1 đến 5 năm	29.512.050.000	29.512.050.000
Trên 5 năm	21.287.700.000	27.567.817.912
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	<u>56.702.160.000</u>	<u>62.982.277.912</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM

Mẫu số B 09a – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021

27 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Doanh thu và chi phí theo lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty như sau:

	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021			Tổng cộng VND
	Hoạt động bán hàng hóa VND	Hoạt động cung cấp dịch vụ VND	Hoạt động đầu tư tài chính VND	
Doanh thu và thu nhập	42.349.788.902	32.079.204.147	185.073.831.412	259.502.824.461
Chi phí hoạt động trực tiếp	(40.910.255.824)	(23.287.970.623)	(86.380.940)	(64.284.607.387)
Tổng cộng	1.439.533.078	8.791.233.524	184.987.450.472	195.218.217.074
Chi phí chung không phân bổ				(8.605.871.913)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế				186.612.345.161

	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020			Tổng cộng VND
	Hoạt động bán hàng hóa VND	Hoạt động cung cấp dịch vụ VND	Hoạt động đầu tư tài chính VND	
Doanh thu và thu nhập	32.382.881.152	25.029.370.867	21.264.474.490	78.676.726.509
Chi phí hoạt động trực tiếp	(31.364.787.827)	(20.853.427.910)	-	(52.218.215.737)
Tổng cộng	1.018.093.325	4.175.942.957	21.264.474.490	26.458.510.772
Chi phí chung không phân bổ				(5.806.089.154)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế				20.652.421.618

CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM

Mẫu số B 09a – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021

27 BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP THEO)

Tài sản và nợ phải trả theo lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty như sau:

	Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021			Tổng cộng VND
	Hoạt động bán hàng hóa VND	Hoạt động cung cấp dịch vụ VND	Hoạt động đầu tư tài chính VND	
Tài sản bộ phận				
Trong đó:				
Hàng tồn kho	3.809.857.113	-	-	3.809.857.113
Phải thu ngắn hạn	-	38.617.216.337	-	38.617.216.337
Cho vay ngắn hạn	-	-	4.801.169.604	4.801.169.604
Cho vay dài hạn	-	-	6.727.804.353	6.727.804.353
Đầu tư vào các công ty con	-	-	895.075.000.000	895.075.000.000
Đầu tư vào các công ty liên kết	-	-	97.423.707.286	97.423.707.286
Đầu tư dài hạn khác	-	-	155.000.000	155.000.000
Tổng tài sản phân bổ	3.809.857.113	38.617.216.337	1.004.182.681.243	1.046.609.754.693
Tài sản không phân bổ				453.920.878.222
Tổng tài sản				1.500.530.632.915
Nợ phải trả bộ phận				
Trong đó:				
Phải trả người bán ngắn hạn	-	10.071.341.924	-	10.071.341.924
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	-	4.508.276.362	-	4.508.276.362
Phải trả ngắn hạn khác	-	50.204.035.100	-	50.204.035.100
Tổng nợ phải trả phân bổ	-	64.783.653.386	-	64.783.653.386
Nợ phải trả không phân bổ				16.685.048.503
Tổng nợ phải trả				81.468.701.889

CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM

Mẫu số B 09a – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021

27 BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP THEO)

Tài sản và nợ phải trả theo lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty như sau:

	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020			Tổng cộng VND
	Hoạt động bán hàng hóa VND	Hoạt động cung cấp dịch vụ VND	Hoạt động đầu tư tài chính VND	
Tài sản bộ phận				
<i>Trong đó:</i>				
<i>Hàng tồn kho</i>	466.822.694	-	-	466.822.694
<i>Phải thu ngắn hạn</i>	-	24.132.891.501	-	24.132.891.501
<i>Cho vay ngắn hạn</i>	-	-	12.686.407.947	12.686.407.947
<i>Cho vay dài hạn</i>	-	-	17.784.015.594	17.784.015.594
<i>Đầu tư vào các công ty con</i>	-	-	895.075.000.000	895.075.000.000
<i>Đầu tư vào các công ty liên kết</i>	-	-	97.423.707.286	97.423.707.286
<i>Đầu tư dài hạn khác</i>	-	-	155.000.000	155.000.000
Tổng tài sản phân bổ	466.822.694	24.132.891.501	1.023.124.130.827	1.047.723.845.022
Tài sản không phân bổ				298.526.337.911
Tổng tài sản				1.346.250.182.933
Nợ phải trả bộ phận				
<i>Trong đó:</i>				
<i>Phải trả người bán ngắn hạn</i>	5.493.077.613	9.655.345.340	-	15.148.422.953
<i>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</i>	-	1.283.536.085	-	1.283.536.085
<i>Phải trả ngắn hạn khác</i>	-	36.450.110.455	-	36.450.110.455
Tổng nợ phải trả phân bổ	5.493.077.613	47.388.991.880	-	52.882.069.493
Nợ phải trả không phân bổ				23.964.631.887
Tổng nợ phải trả				76.846.701.380



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021**

28 NỢ TIỀM TÀNG

Chi phí khôi phục và hoàn trả mặt bằng lô đất thuê

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty đã ký các hợp đồng thuê đất sau và đã thực hiện xây dựng công trình và hạ tầng trên các lô đất thuê này:

- Số 05 HĐ/ĐĐ đề ngày 9 tháng 1 năm 2009 với Ủy ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng.
- Số 06 HĐ/ĐĐ đề ngày 6 tháng 3 năm 1999 với Sở Địa chính Thành phố Hải Phòng.

Các hợp đồng này không có quy định rõ ràng về nghĩa vụ hoàn nguyên các khu đất thuê, tuy nhiên, căn cứ theo các quy định hiện hành, Công ty có thể có nghĩa vụ trong tương lai liên quan đến việc tháo dỡ, di dời các tài sản của Công ty ra khỏi khu đất và phục hồi khu đất về trạng thái ban đầu sau thời hạn thuê đất, và nghĩa vụ này chỉ có thể xác định được rõ ràng khi có thêm các sự kiện trong tương lai, ví dụ như các trao đổi bổ sung với bên cho thuê đất hay khi cơ quan chức năng ban thành bổ sung các văn bản pháp luật làm rõ nghĩa vụ của bên đi thuê khi hợp đồng thuê đất không có điều khoản hoàn nguyên. Ngoài ra, Ban Giám đốc của Công ty đánh giá rằng khoản dự phòng chi phí liên quan đến việc phục hồi khu đất này chưa thể được ước tính một cách đáng tin cậy do có những sự không chắc chắn về thời gian cần phải di dời và khả năng Công ty có thể thương lượng với bên cho thuê để từ bỏ nghĩa vụ đó do tòa nhà và cơ sở hạ tầng được xây dựng trên khu đất đã được Nhà nước chỉ định sử dụng cho các hoạt động cảng, do đó, những công trình này có thể còn được sử dụng trong tương lai sau khi kết thúc thời hạn thuê. Do đó, Công ty không ghi nhận khoản dự phòng chi phí hoàn nguyên vào báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

29 ẢNH HƯỞNG CỦA COVID-19

Sự tái bùng phát và lan rộng của Covid-19 trong năm 2021 là một sự kiện khó khăn và thách thức đối với Công ty. Công ty đã thực hiện đánh giá về tác động chung của sự kiện này đối với hoạt động của Công ty, bao gồm khả năng thu hồi giá trị ghi sổ của các tài sản, ghi nhận giá trị của các tài sản và nợ phải trả và kết luận là ảnh hưởng sẽ không đáng kể trong tương lai gần và Công ty có thể hoạt động bình thường trong 12 tháng tiếp theo. Tại ngày ký báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, chưa có tổn thất đáng kể nào phát sinh từ sự kiện này. Ban Giám đốc sẽ tiếp tục theo dõi tình hình, có các biện pháp phù hợp và kịp thời để giảm thiểu tác động.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được Ban Giám đốc của Công ty phê chuẩn ngày 20 tháng 8 năm 2021.



Phạm Thị Thúy Ngọc
Người lập



Lê Thế Trung
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Tiến
Tổng Giám đốc/
Người đại diện theo pháp luật